

Bản án số 79/2025/HNGĐ-ST

Ngày 31 – 3 - 2025

V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM ĐƠI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Minh Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Việt Hưng

Ông Nguyễn Văn Hiền

- Thư ký phiên tòa: Ông Hà Chí Đệ là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đam Đoi.

Ngày 31 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đam Đoi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 80/2025/TLST - HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2025 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 76/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Phạm Văn T, sinh năm 1982; địa chỉ cư trú: ấp LV, xã QPB, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Chị Võ Thị Ny, sinh năm 1983; địa chỉ cư trú: ấp LV, xã QPB, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Anh Phạm Văn T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh với chị N kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Quách Phẩm Bắc vào năm 2016. Quá trình chung sống thời gian gần đây vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nhiều lần chị N bỏ nhà đi, không chăm lo gia đình. Vợ chồng ly thân khoảng 01 năm. Nay anh yêu cầu được ly hôn với chị N.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 người con tên Phạm Thị H, sinh ngày 15/3/2006 và Phạm Thị Thảo H1, sinh ngày 12/8/2013 hiện đang sống cùng anh. Khi ly hôn, cháu Thị H đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết. Còn cháu Thảo H1 anh yêu cầu được nuôi, không yêu cầu cấp dưỡng.

- Về tài sản chung và các vấn đề khác: Vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ người khác và không có người khác nợ lại vợ chồng.

Đối với chị Võ Thị N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng chị không có ý kiến về nội dung, yêu cầu khởi kiện của anh T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Anh Phạm Văn T khởi kiện yêu cầu giải quyết về quan hệ hôn nhân, con chung với chị Võ Thị N là vụ kiện tranh chấp ly hôn, do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Anh T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, chị N đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Tuấn, chị Ny.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân, Hội đồng xét xử thấy rằng: Anh T với chị N kết hôn với nhau trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định. Như vậy, mối quan hệ hôn nhân giữa anh T với chị N được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[4] Xét về nguyên nhân mâu thuẫn, Hội đồng xét xử nhận thấy: Theo anh T xác định, quá trình chung sống thời gian gần đây vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng, vợ chồng đã ly thân trong khoảng thời gian dài, nhưng chị N không có ý kiến. Như vậy, Hội đồng xét xử khẳng định trong cuộc sống vợ chồng giữa anh T với chị N đã có những mâu thuẫn không thể hàn gắn được là thực tế có xảy ra. Đồng thời, mâu thuẫn đó đã lâm vào tình trạng trầm trọng, dẫn đến cuộc sống chung không thể kéo dài, và mục đích của hôn nhân cũng không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh T về quan hệ hôn nhân.

[5] Xét về con chung, Hội đồng xét xử nhận thấy: Tính đến ngày xét xử sơ thẩm, cháu Thị H đã trưởng thành, còn cháu Thảo H1 đã hơn 11 tuổi đang sống cùng anh T. Khi ly hôn, anh T yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng, nhưng chị N không có ý kiến. Xét thấy: Theo nguyện vọng của cháu Thảo H1 thể hiện cháu có nguyện vọng được sống với cha. Do đó, để tránh thay đổi về môi trường sống, cũng như sự phát triển bình thường về thể chất, tinh thần và điều kiện học của cháu Thảo H1, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh T về con chung.

[6] Xét về tài sản chung và các vấn đề khác: Anh T xác định vợ chồng tự thỏa thuận về tài sản chung, không có nợ người khác và không có người khác nợ lại vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, tuy nhiên chị N không có ý kiến. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[7] Xét về án phí dân sự và án phí cấp dưỡng: Anh T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật hiện hành.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; khoản 1, khoản 2 Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 của Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Văn T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Phạm Văn T được ly hôn với chị Võ Thị N.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Thị Thảo H1, sinh ngày 12/8/2013 cho anh Phạm Văn T được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Võ Thị N không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

3. Về án phí dân sự: Anh Phạm Văn T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0002697 ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi; anh Phạm Văn T đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Ủy ban nhân dân xã Quách Phẩm Bắc;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trương Minh Thịnh

